

# LÀM SAO ĐỂ NÂNG CAO MỨC SỐNG CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

■ Nguyễn Thị Diễm Châu \*

## TÓM TẮT

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng đất màu mỡ phát triển lúa gạo, các loại trái cây mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nhưng với kiểu sản xuất cá thể nhỏ lẻ, thiếu kỹ thuật, định hướng, cây trồng trôi nổi và thiếu thông tin thị trường khiến người dân phải canh tác theo kinh nghiệm “cha truyền con nối” lời ăn lỗ chịu. Để lúa gạo và vườn cây ăn trái phát huy tiềm lực vốn có thì cần phải cải cách toàn diện từ tư duy đến quy trình sản xuất theo nhu cầu thị trường, lúc đó người nông dân mới có thể làm giàu từ chính mảnh đất của mình.

Việt Nam xuất khẩu gạo chỉ đứng sau Thái Lan, nhưng về mức sống người nông dân Việt Nam không sánh được với nông dân Thái Lan mặc dù nông dân Việt Nam cần cù, chăm chỉ không kém, điều kiện tự nhiên cũng có nhiều ưu đãi. Nông dân Việt Nam vẫn chịu cảnh “được mùa rớt giá” nên cuộc sống bấp bênh. Nhà nước bên cạnh quy định giá sản xuất khẩu cũng cần có chính sách trợ giá cho người nông dân đảm bảo chắc chắn người sản xuất gạo có lãi, có được điều này thì cần phải nghiên cứu và tính toán chi phí sản xuất và ấn định giá thu mua trong nước hợp lý, phù hợp với mục tiêu nông dân sẽ có lãi từ 30% trở lên mà từ trước tới nay có năm làm được có năm không.

Việc khôi phục và mở rộng các ngành nghề truyền thống để góp phần giải quyết nạn thất nghiệp tạo việc làm mới cho người lao động, tăng thêm thu nhập cho nông dân là cần thiết.

## ABSTRACT

### How to improve the living conditions for farmers in Mekong Delta

Mekong Delta is a fertile land for the development of rice and fruits that bring highly economic efficiency. However, with the form of small-scale production, lack of technology, orientation, floating plants and lack of market information, the habitants have to cultivate in the hereditary and luck based way. The local people need to change their minds and improve the production processes based on the market needs, then they can get rich on their own land.

Vietnam's rice export goes after only Thailand, but the Vietnamese farmers' living standards are not comparable with Thailand's despite their diligence, hardworking and favorable natural conditions. Vietnamese farmers still suffer from “underpriced when having good crops” situation, so their lives are still precarious. Besides imposing the export price floors, the government should have the price supporting policies for the farmers to ensure that agricultural production is profitable. To get this, it is necessary to do research and calculate the cost of production and fix reasonable purchase price to be consistent with the target that the agricultural products can make the profit rate of at least 30 percent which has been unstable in the past years.

It is necessary to revitalize and expand the traditional industries in order to cope with the unemployment, create new jobs for the laborers and increase the farmers' income.

\* PGS.TS, Trường ĐH Văn Hiến

**T**hu nhập chủ yếu của nông dân ĐBSCL là từ nông nghiệp như sản xuất lúa gạo để ăn, để bán trong nước và xuất khẩu; khôi phục và mở rộng các ngành nghề truyền thống để góp phần giải quyết nạn thất nghiệp, tìm lối ra cho sản phẩm xuất khẩu trực tiếp để nâng cao hiệu quả. Nhưng các sản phẩm nông nghiệp đang bị cạnh tranh gay gắt dẫn đến giá giảm, sức mua yếu đi là điều tất nhiên. Về hàng nông sản Việt Nam chất lượng chưa cao, thiếu sức cạnh tranh so với các mặt hàng cùng loại của một số nước khác. Đây là những nguyên nhân làm cho thu nhập của người nông dân Việt Nam còn thấp và hiện nay đang trên đà có xu hướng giảm xuống, tình trạng thất nghiệp ở nông thôn còn là vấn đề nan giải. Muốn gia tăng sức mua của người nông dân, nâng cao đời sống của người dân thì trước hết phải làm cho thu nhập của họ tăng lên. Muốn vậy, ngay từ khâu lai tạo, sản xuất và cung cấp giống ở Việt Nam còn yếu, chất lượng chưa cao, số lượng chưa nhiều làm ảnh hưởng đến năng suất.

Trình độ cơ giới hóa trong nông nghiệp còn ở mức thấp. Do thu nhập thấp nên nông dân đầu tư vào nông nghiệp cũng thấp như phân bón, thuốc trừ sâu. Vì thế năng suất lúa bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Việc tưới tiêu nhìn chung còn chưa chủ động lắm vì hệ thống thủy lợi chưa hoàn chỉnh và đồng bộ. Vì vậy đồng ruộng khi thì ngập úng, khi thì khô hạn thiếu nước tác động xấu đến năng suất cũng như chất lượng sản phẩm. Khâu bảo quản sau khi thu hoạch cũng chưa được đầu tư đúng mức, hệ thống kho bãi bảo quản chưa đạt tiêu chuẩn và còn thiếu nghiêm trọng. Nông sản phần lớn được bảo quản tại nhà nông dân, vì thế chất lượng giảm sút sau một thời gian là điều không thể tránh khỏi. Khâu chế biến nông sản còn lạc hậu, chất lượng sản phẩm cũng như mẫu mã bao bì chưa đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng, dẫn đến thua thiệt khi cạnh tranh với hàng hóa cùng loại của các nước khác. Hệ thống đường giao thông chưa đầu tư đúng mức gây khó khăn cho vận chuyển và tiêu thụ

sản phẩm, chi phí vận chuyển cao đẩy giá thành lên cao. Người dân còn thiếu thông tin về thị trường đồng thời nhận thức về tầm quan trọng của thông tin chỉ đạo của cấp trên còn thấp. Họ thường hành động theo ý riêng của mình nên hiệu quả sản xuất còn thấp. Trong những vụ thu hoạch giá nông sản thường xuống thấp. Để giữ giá, Chính phủ thường đặt ra một mức giá sàn cao nhưng do quỹ bình ổn giá không đủ, không mua hết những nông sản thừa. Lợi dụng thời điểm này, những tư thương ra sức ép giá, mua với giá rẻ. Vì vậy mất mùa người nông dân đã khổ mà được mùa họ cũng chưa chắc đã sướng. Hiện nay, việc thực hiện phân vùng chuyên canh chưa được thực hiện một cách đồng bộ và khoa học. Vì vậy, việc triển khai áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăm sóc, chế biến khó mà thực hiện được tốt.

Khâu tổ chức tiếp thị, thâm nhập thị trường còn nhiều điều đáng bàn. Hiện nay ta còn xuất khẩu qua trung gian nhiều làm hiệu quả thấp. Đây là những nguyên nhân làm cho thu nhập của nông dân còn thấp ảnh hưởng đến đời sống và sức mua của họ. Do thu nhập thấp dẫn đến tích lũy thấp. Đầu tư thấp. Hiệu quả thấp. Để thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn này vai trò của nhà nước là rất quan trọng vì thiếu sự can thiệp của nhà nước thì những tác nhân khác khó có thể giải quyết được mọi vấn đề.

Trước mắt nhà nước cần tăng chi ngân sách để đầu tư vào nông thôn, góp phần giải quyết lao động thừa, khắc phục phần nào lao động còn mang tính thời vụ ở nông thôn: lao động nông nghiệp mang tính thời vụ rất rõ nét. Thông thường cường độ lao động ở đầu vụ và cuối vụ rất cao. Ví dụ sản xuất lúa, từ khi bắt đầu vào vụ sản xuất, khi phòng nông nghiệp ấn định ngày gieo xạ đại trà cho khu vực nào đó thì việc làm đất cho đến xuống giống cho đến toàn bộ khu vực thường chỉ kéo dài không quá mười lăm ngày. Thời gian giữa đầu vụ và cuối vụ nói chung rất nhàn rỗi.

Công việc cụ thể là đầu tư xây dựng cơ sở vật chất như hệ thống giao thông, hệ thống lưới điện, hệ thống thủy lợi. Vì khi thực hiện những

hệ thống này thì ta có thể giải quyết phần nào lao động nhàn rỗi ở nông thôn hiện nay. Cần nhấn mạnh rằng hệ thống giao thông, thủy lợi cần phải được đầu tư đồng bộ và ưu tiên vì nó không chỉ tác động đến nông nghiệp mà còn tác động đến những lĩnh vực khác. Làm tốt được hai khâu này, việc vận chuyển và tiêu thụ hàng hóa sẽ dễ dàng hơn, giá thành sẽ giảm, trong công việc tưới tiêu chủ động hơn. Trình độ cơ giới hóa, hóa học hóa trong nông nghiệp ở Việt Nam còn yếu, thiếu tính khoa học và đồng bộ. Đầu tư vào hai khâu này cần vốn lớn vì vậy trước mắt cần hỗ trợ cho nông dân bước đầu. Về lâu dài, cụ thể trong sản xuất lúa gạo, nhà nước và chính quyền địa phương phải có định hướng, tuyên truyền, khuyến cáo người nông dân muốn xuất khẩu bền vững thì phải:

### **1. Chú ý đến chất lượng gạo đáp ứng nhu cầu thị trường**

*1.1. Tăng cường sản xuất lúa thơm hoặc là những loại gạo đang được thị trường ưa chuộng và có giá cả hợp lý* từ đó người nông dân sẽ thấy được hiệu quả và lợi nhuận mang lại từ việc sản xuất các giống lúa thơm, nhận thức được sự gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ (xuất khẩu).

Bên cạnh đó, nhà nước và chính quyền địa phương như Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên cần có một sự đầu tư thỏa đáng cho việc tuyển chọn những giống lúa chủ lực, phù hợp với từng vùng, miền cho năng suất và giá trị cao phù hợp với nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, không chạy theo số lượng để có vị trí thứ nhất hay thứ hai; về số lượng, đã đến lúc phải đặc biệt quan tâm đến chất lượng gạo để có giá trị cao vì năng suất lúa và diện tích trồng lúa không thể tăng mãi được.

*1.2. Xây dựng thương hiệu cho gạo Việt Nam*

Năm 2012 giá gạo Việt Nam rất thấp so với các đối tác cạnh tranh nên hiệu quả xuất khẩu và đời sống của người nông dân trồng lúa không được cải thiện là mấy. Có thương hiệu không chỉ là việc bán được giá cao mà còn ghi dấu ấn vào thị trường với những sản lượng và giá trị ổn định.

Thương hiệu còn hàm chứa sở hữu trí tuệ khác nhau như bao bì mẫu mã, kiểu dáng, quảng bá, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm. Để có thương hiệu gạo Việt Nam ngoài việc khuyến cáo nông dân quan tâm hơn đến giống có chất lượng cao, còn phải tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại giới thiệu sản phẩm gạo và ký được các hợp đồng tiêu thụ dài hạn với các nước có tiềm năng. Mặt khác, chúng ta phải sắp xếp và quy hoạch lại sản xuất nông nghiệp nhất là vùng trồng lúa. Các doanh nghiệp kinh doanh về xuất khẩu gạo càng phải tham gia tích cực hơn vào việc quảng bá và giúp người nông dân nhận thức được những chủng loại gạo nào đáp ứng yêu cầu của thị trường để hướng dẫn nông dân trồng và giúp nông dân tiêu thụ.

Việc tham gia vào việc cung ứng, các chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam còn yếu, nhiều sản phẩm nông sản của Việt Nam xuất ra bên ngoài nhưng lại bị dùng nhãn mác của nước khác đúng là một yếu kém, một sự tồn tại trong vấn đề quảng bá và xúc tiến thương mại.

Để xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam, cần hết sức chú trọng vào các khâu: chọn, tạo và phổ biến cho nhân giống lúa có chất lượng cao hơn, năng suất cao hơn; tổ chức sản xuất theo mô hình cánh đồng mẫu lớn cũng như những hình thức tổ chức để có sản lượng hàng hóa lớn và đồng đều với giá thành rẻ hơn; hỗ trợ nhân dân và nông dân xây dựng kho dự trữ bảo quản bảo đảm chất lượng sau thu hoạch; xúc tiến thương mại... thì hạt gạo Việt Nam mới dần có thương hiệu trên thị trường thế giới.

*1.3. Có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thu mua gạo tạm trữ xuất khẩu và chính sách trợ giá cho nông dân.* Hiện nay, các doanh nghiệp xuất khẩu gạo gặp nhiều khó khăn về vốn trong thu mua gạo tạm trữ cũng như áp lực trả nợ ngân hàng, nên các doanh nghiệp không thể thu mua lúa kịp thời vào thời điểm thu hoạch của người nông dân, cũng như phải hạ giá bán gạo để đáo hạn nợ ngân hàng gây ra sự biến động giá gạo.

Vì vậy nhà nước cần có chính sách hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp xuất khẩu mua gạo xuất khẩu như giãn nợ cho các doanh nghiệp có hàng

tồn kho lớn để ổn định giá gạo trong nước cũng như xuất khẩu.

Theo nghiên cứu của ngân hàng thế giới (WB) cho biết phần lớn người trồng lúa ở Việt Nam có quy mô nhỏ. Tại ĐBSCL có khoảng 4 triệu hộ trồng lúa, với quy mô khoảng 4,4 nhân khẩu/1 hộ trồng lúa, với lợi nhuận thu được từ sản xuất lúa khoảng 230USD/người/năm. Qua số liệu trên cho thấy phần lớn người nông dân sản xuất lúa ở Việt Nam là nghèo, nhà nước phải có sự quan tâm kịp thời khi giá lúa giảm để hỗ trợ giá cho người nông dân đảm bảo cho họ luôn có mức lợi nhuận định mức từ 30% trở lên, để họ tái sản xuất và yên tâm gắn bó với nghề nông của mình.

## **2. Khôi phục và mở rộng các ngành nghề truyền thống để góp phần giải quyết nạn thất nghiệp, tìm lối ra cho sản phẩm, xuất khẩu trực tiếp để nâng cao đời sống của nông dân Việt Nam**

Các làng nghề từ trước tới nay giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình phát triển nông thôn Việt Nam nói chung, ĐBSCL nói riêng, góp phần tạo công ăn việc làm lúc nông nhàn, tăng thu nhập cho nông dân, tạo nên dấu ấn văn hóa mang đặc trưng của mỗi địa phương được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

ĐBSCL hiện có hàng trăm làng nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ, đa phần tập trung ở các vùng nông thôn như: An Giang thì có làng dệt thổ cẩm, đường thốt nốt; Vĩnh Long có nghề làm gốm; Sóc Trăng có bánh pía, lạp xưởng; Tiền Giang có làng tú thờ, làng nón bành bông, mắm tôm chà; ở Đồng Tháp có làng cây giống, cây kiêng; Bến Tre có kẹo dừa, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ lớn từ cây dừa. Sự phát triển của làng nghề thủ công mỹ nghệ thời gian qua đem về lượng doanh thu hàng ngàn tỷ đồng và nguồn ngoại tệ hàng chục triệu USD thông qua xuất khẩu sản phẩm cho khoảng 50 nước trên thế giới. Các làng nghề đã giải quyết một lượng rất lớn lao động nông nhàn ở địa phương, góp phần làm tăng thu nhập cho người dân. Thu nhập của người lao động tham gia vào các làng nghề tăng gấp 3-4 lần so với khoản thu nhập chỉ

duy nhất là làm nông nghiệp. Qua so sánh cho thấy tỷ lệ hộ nghèo chỉ là 3,7% thấp hơn nhiều khoảng 3 lần so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân trong cả nước.

Tuy vậy việc phát triển làng nghề, thủ công mỹ nghệ ở ĐBSCL hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn hạn chế. Đa phần làng nghề ở hầu hết các địa phương phát triển vẫn mang tính tự phát, công nghệ sản xuất lạc hậu. Trên 80% không đủ vốn đầu tư đổi mới kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất làm cho lượng sản phẩm làm ra ít, không có sản phẩm cung cấp khi đối tác cần những hợp đồng lớn.

Các làng nghề sản xuất không ổn định do thiếu nguyên liệu, khoảng 35% cơ sở làng nghề nông thôn thiếu nguyên liệu trầm trọng. Ở tỉnh Bến Tre như sản xuất kẹo, bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc, làm đồ thủ công mỹ nghệ từ dừa, làng làm lu, sản xuất rượu Phú Lễ, sản xuất chiếu... với doanh thu hàng trăm tỷ đồng mỗi năm (chiếm khoảng 26% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp) và thu hút trên 20.000 lao động nhân rỗi ở nông thôn. Dù vậy nhưng các làng nghề ở Bến Tre vẫn còn nhiều hạn chế khó khăn. Ngoài trừ một số ít nghề như sản xuất kẹo, sản xuất chỉ sơ dừa xuất khẩu đã được chủ cơ sở quy mô quan tâm đổi mới cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu, còn lại phần nhiều đều có chung tình trạng là thiếu vốn, sản xuất nhỏ lẻ, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thô sơ, lạc hậu, tay nghề còn hạn chế, chưa nắm được thông tin thị trường, chất lượng sản phẩm chưa đồng nhất, chi phí sản xuất cao khó cạnh tranh. Như Vĩnh Long nổi tiếng với nghề làm gốm trong 10 năm trở lại đây với trên 500 làng gốm tạo ra hàng ngàn sản phẩm gốm, mỹ nghệ xuất khẩu. Hàng năm, chỉ tính riêng nghề làm gốm ở tỉnh đã giải quyết việc làm cho hơn 10.000 lao động với mức thu nhập bình quân từ 0.8-2 triệu đồng/người/tháng, nhưng nghề này vẫn còn những hạn chế như mẫu mã sản phẩm gốm làm ra ở đây chưa phong phú, đa dạng. Hàng xuất khẩu chủ yếu là gia công theo mẫu mã do khách hàng đặt; nhiều sản phẩm còn đơn điệu, xưa, cũ, không

phù hợp với tiêu dùng hiện đại. Các cơ sở doanh nghiệp còn thiếu vốn, kỹ thuật và thông tin thị trường; dù thành lập được Hội nghề xuất khẩu nhưng vẫn còn tình trạng các cơ sở chưa phối hợp nhau, còn cạnh tranh theo kiểu không lành mạnh như hạ giá bán để lôi kéo khách hàng gây thiệt thòi cho sản xuất gốc địa phương. Làng nghề truyền thống bàu buông tỉnh Tiền Giang đã có trên 50 năm. Sản phẩm bàu buông được sản xuất từ nguyên liệu bàu buông làm ra từ làng nghề ngoài cung cấp cho thị trường nội địa còn cung cấp ra thị trường nhiều nước trên thế giới như: Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ... nhưng làng nghề này đang gặp khó khăn việc bán sản phẩm của mình. Mang tiếng là sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài nhưng tại địa bàn của huyện không có đơn vị có khả năng xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài mà phải bán qua trung gian là các công ty ở Tp.HCM. Đương nhiên việc bán qua trung gian sẽ bị khống chế về giá cả làm cho thu nhập của các hộ làm nghề bàu buông còn thấp, trung bình trên dưới 350.000đồng/hộ.

Nhìn chung các làng nghề ở ĐBSCL chưa có sự gắn kết giữa làng nghề, nghệ nhân, thợ thủ công và các doanh nghiệp trong việc mở mang, tuyển nghệ, cung cấp thông tin thị trường, tiêu thụ sản phẩm chưa rộng rãi và chặt chẽ, kiểu dáng, chất lượng sản phẩm ở các làng nghề còn kém, không đồng đều. Công tác đăng ký thương hiệu, cải tiến chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, kiểu dáng công nghiệp còn rất hạn chế. Chưa khai thác tốt tiềm năng du lịch trong việc quảng bá và tiêu thụ sản phẩm thủ công mỹ nghệ truyền thống.

*2.1. Cần mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của các viện nghiên cứu vật nuôi cây trồng*

*2.2. Quy hoạch lại các vùng chuyên canh nông sản để tạo ra điều kiện thuận lợi trong việc ứng dụng các thành tựu khoa học vào sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng hệ thống bảo quản và chế biến*

*2.3. Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống kho bãi bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, xây dựng hệ thống nhà máy chế biến. Có chính sách*

khuyến khích cán bộ nông nghiệp về nông thôn giúp đỡ người nông dân nâng cao trình độ về lĩnh vực nông nghiệp

Làng nghề truyền thống, thủ công mỹ nghệ ở nước ta trong điều kiện hội nhập cần giải quyết nhiều mâu thuẫn, trong đó là sự cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu của thị trường là điều cần quan tâm trước tiên. Nhu cầu thị trường đối với các mặt hàng truyền thống, hàng thủ công mỹ nghệ là rất lớn trong khi đó ta có nhiều làng nghề nhưng phần nhiều lại sản xuất nhỏ lẻ, cạnh tranh giá với nhau mà không đáp ứng được những hợp đồng bán hàng số lượng nhiều. Vì vậy việc liên kết lại với nhau để sản xuất là điều cần thiết. Trước thực trạng chung như hiện nay, nhiều địa phương khu vực ĐBSCL đã có sự quan tâm đầu tư phát triển các làng nghề ở địa phương mình.

Năm 2005 Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn lập đề án chương trình phát triển làng nghề, nhằm tạo ra phong trào rộng khắp cả nước phát huy lợi thế, tiềm năng của địa phương về ngành nghề nông thôn, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước; thu hút và tạo ra mối quan hệ liên kết chặt chẽ hơn giữa nhà nước, nhà kinh doanh, nhà khoa học, nhà văn hóa, nhà thiết kế mỹ thuật trong đó mối quan hệ giữa các hộ làm nghề sản xuất với các doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo.

Về kinh tế, đề án này sẽ có 200 dự án làng nghề trọng điểm cấp trung ương và cấp tỉnh được phê duyệt mỗi năm và 10 năm sau sẽ có 1.500-2.000 làng phát triển, đưa mức tăng trưởng bình quân của ngành nghề nông thôn đạt trên 15%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng hàng năm 20-22%/năm.

Về xã hội, trong 10 năm sẽ tạo thêm việc làm cho 3 triệu lao động ở nông thôn và nhiều lao động dịch vụ phục vụ ngành nghề nông thôn, tiêu thụ sản phẩm, thu hút khách du lịch đưa nông nghiệp nước ta tiến đến giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ĐBSCL: sau khi học nghề nông nghiệp nhiều lao động ứng dụng kiến thức, kỹ năng mới vào sản xuất, tăng năng suất cây trồng vật nuôi. Một

bộ phận sau học nghề tận dụng thời gian nông nhàn nhận gia công sản xuất cho các doanh nghiệp tăng thu nhập, một số thành lập tổ sản xuất, có việc làm mới ở các cơ sở công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ... Thông qua hoạt động đào tạo nghề, nhiều lao động, đặc biệt là lao động nông thôn được trang bị nghề mới, được tiếp thu kiến thức khoa học-kỹ thuật, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất tăng năng suất, hiệu quả lao động, quan trọng hơn là trong tay có nghề để nuôi sống bản thân và gia đình. Để

công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm, các cơ sở đào tạo nghề gắn với nhu cầu của các doanh nghiệp để người lao động sau khi học nghề xong có việc làm. Nhà nước cần hỗ trợ nông dân học nghề xong được vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội hoặc Ngân hàng nông nghiệp với lãi suất ưu đãi để có điều kiện ứng dụng những gì mình đã học, bảo đảm tính bền vững, hiệu quả của công tác dạy nghề cho lao động nông thôn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học Kinh tế tài chính Tp.HCM, 2013, “Xuất khẩu gạo Việt Nam năm 2012 và định hướng năm 2013”, *Tạp chí phát triển và hội nhập*, tháng 3-4/2013.
2. Lê Quang Phi (2007), *Đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Lê Du Phong (2011), “Coi giải quyết vấn đề tam nông là một trong những vấn đề then chốt của chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020”, *Tạp chí kinh tế và phát triển*.
4. Nguyễn Đức Thành (2012), *Đổi diện thách thức tái cơ cấu kinh tế*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Lê Đình Thắng (1998), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Tổng cục thống kê (2011), *Niên giám thống kê 2010*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
7. <http://www.tiengiang.gov.vn>
8. <http://www.baomoi.com.vn> (11/9/2013)
9. <http://www.vietfin.net/xuat-khau-gao-viet-nam-2012-hien-tai-va-tuong-lai>.